

Bản án số: **309/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/8/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị K, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số F V, Lô C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số F V, Lô C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn A, sinh năm 1970; địa chỉ: Số F V, Lô C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lò Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2013 tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải

Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng được 01 năm thì anh T đi lao động tại Đài Loan. Năm 2016, chị và anh T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách thời gian dài nên tình cảm không còn. Năm 2016, chị cũng sang Đài Loan làm việc. Mặc dù cùng ở Đài Loan nhưng vợ chồng chị không gặp gỡ, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 17/3/2013 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 25/10/2014. Hiện nay các con đang ở cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị và anh T đã thỏa thuận giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 2.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng, chị nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị K không cung cấp được địa chỉ của anh Phạm Văn T ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Ông Phạm Văn A (là bố đẻ của anh T) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình, anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị K xin ly hôn, anh T đồng ý. Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung như chị K trình bày. Khi ly hôn, anh T xin được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh là 2.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T nhờ ông A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu H cho đến khi anh T về Việt Nam, ông A đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị K, ông A vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị K được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao cho anh T được nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 17/3/2013 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 25/10/2014 kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu L và cháu H cho ông Phạm Văn A chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là 2.000.000đồng/2 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Văn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị K không cung cấp được địa chỉ của anh T ở Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị K và gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng chị K và gia đình anh T không cung cấp được. Ông Phạm Văn A là bố đẻ anh T xác định anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, ông đã thông báo về việc chị K có đơn xin ly hôn, anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị K, ông A vắng mặt, có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị K và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/01/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị K xác

định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016. Nguyên nhân là do anh T đi Đài Loan, vợ chồng sống xa cách nên không còn tình cảm. Nay chị K và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị K có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị K và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 17/3/2013 và Phạm Thị Xuân H, sinh ngày 25/10/2014. Hiện cháu L và cháu H đang ở cùng ông nội là Phạm Văn A. Sau khi ly hôn, chị K và anh T thống nhất giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, cháu L và cháu H đều có quan điểm ở cùng bố và ông nội. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T nhờ ông A chăm sóc 02 con cho đến khi anh T về Việt Nam, ông A đồng ý. Anh T yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là 2.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị K nhất trí. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị K ly hôn anh Phạm Văn T.
2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Phạm Thị Tuyết L, sinh ngày 17/3/2013 và Phạm Thị

Xuân H, sinh ngày 25/10/2014 kể từ tháng 08/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu L và cháu H cho ông Phạm Văn A nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con là 2.000.000đ/2 cháu/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị K chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Lò Thị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000740 ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị K đã nộp đủ án phí.

Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị K chưa nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

